

Số: 328 /KH-UBND

Lào Cai, ngày 19 tháng 12 năm 2017

## **KẾ HOẠCH**

### **Thực hiện đánh giá nhanh chỗ ở an toàn trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

Nhằm thực hiện có hiệu quả công tác điều tra, đánh giá nhanh chỗ ở an toàn tại 9/9 huyện, thành phố được thống nhất và đúng tiến độ. UBND tỉnh Lào Cai ban hành kế hoạch thực hiện đánh giá nhanh chỗ ở an toàn trên địa bàn tỉnh Lào Cai, cụ thể như sau:

#### **I. MỤC ĐÍCH, ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI ĐIỀU TRA**

##### **1. Mục đích:**

- Nhằm thu thập thông tin đánh giá nhanh về tình trạng chỗ ở người dân miền núi trước các nguy cơ rủi ro thiên tai, đặc biệt là lũ quét, sạt lở để có các biện pháp cảnh báo và chủ động phương án đảm bảo an toàn cho người dân.

- Cung cấp dữ liệu phục vụ công tác chỉ đạo và xây dựng quy hoạch, kế hoạch phòng, chống, ứng phó thiên tai.

**2. Đối tượng đánh giá:** Là các hộ dân cư có nhà ở gần ven sông, suối, sườn đồi, khe suối, vách taluy, bãi thải, hầm mỏ, hồ đập, ngầm tràn, cầu, cống chịu ảnh hưởng rủi ro thiên tai, đặc biệt là lũ quét, sạt lở, ngập úng.

**3. Phạm vi điều tra đánh giá:** Được thực hiện tại 164/164 xã, phường, thị trấn thuộc 9/9 huyện, thành phố. Ưu tiên những khu vực thuộc các xã có nguy cơ về lũ quét, sạt lở, ngập úng.

**4. Thời gian thực hiện đánh giá:** Dự kiến bắt đầu từ 05/01/2018 đến 30/01/2018.

#### **II. THỜI GIAN THU THẬP, BÁO CÁO SỐ LIỆU**

- Tổ chức Hội nghị đánh giá nhanh chỗ ở an toàn trước ngày 13/01/2018

- Thời gian thu thập thông tin, hoàn thành biểu tổng hợp thông tin đánh giá nhanh về “**CHỖ Ở AN TOÀN CHO NGƯỜI DÂN MIỀN NÚI**” ở cấp xã tổng hợp báo cáo kết quả khảo sát về Ban Chỉ huy PCTT&TKCN huyện trước ngày 15/01/2018.

- Tổng hợp, hoàn thành biểu tổng hợp thông tin đánh giá nhanh về “**CHỖ Ở AN TOÀN CHO NGƯỜI DÂN MIỀN NÚI**” ở cấp huyện báo cáo kết quả khảo sát về Ban Chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh trước ngày 30/01/2018.

### **III. NỘI DUNG THỰC HIỆN KHẢO SÁT ĐIỀU TRA**

#### **1. Thực hiện Phiếu điều tra đánh giá**

- Phụ biểu 01: Thu thập thông tin đánh giá nhanh về “CHỖ Ở AN TOÀN CHO NGƯỜI DÂN MIỀN NÚI” dành cho hộ gia đình.

- Phụ biểu 02: Tổng hợp thông tin đánh giá nhanh về “CHỖ Ở AN TOÀN CHO NGƯỜI DÂN MIỀN NÚI” dành cho cấp xã.

- Phụ biểu 03: Tổng hợp thông tin đánh giá nhanh về “CHỖ Ở AN TOÀN CHO NGƯỜI DÂN MIỀN NÚI” dành cho cấp huyện.

- Phụ biểu 04: Tổng hợp thông tin đánh giá nhanh về “CHỖ Ở AN TOÀN CHO NGƯỜI DÂN MIỀN NÚI” dành cho cấp tỉnh.

#### **2. Phương pháp điều tra thu thập nội dung**

- Điều tra, phỏng vấn trực tiếp hộ dân trong vùng điều tra, đánh giá theo nội dung phiếu đánh giá.

- Ban chỉ huy PCTT&TKCN cấp xã thành lập nhóm thực hiện khảo sát, điều tra, đánh giá nhanh (*gọi tắt là nhóm thực hiện*) trên địa bàn xã gồm có 5 người, nòng cốt là cán bộ chuyên trách phòng chống thiên tai, Hội Chữ thập đỏ và các cán bộ thuộc đoàn thể. Nhóm thực hiện có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo kết quả điều tra với Ban chỉ huy PCTT&TKCN cấp huyện.

- Ban chỉ huy PCTT&TKCN các huyện, thành phố phối hợp với nhóm đánh giá cấp xã tổ chức tổng hợp phiếu đánh giá theo Phụ biểu 03 (*dành cho cấp huyện*). Tổng hợp, báo cáo Ban chỉ huy PCTT&TKCN cấp tỉnh.

- Ban chỉ huy PCTT&TKCN tỉnh thực hiện Phụ biểu 04 (*dành cho cấp tỉnh*). Tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, Ban chỉ đạo Trung ương về Phòng, chống thiên tai.

**3. Tổng kinh phí: 800.648.934 đồng** (*bằng chữ: Tám trăm triệu, sáu trăm bốn mươi tám nghìn, chín trăm ba mươi tư đồng*).

#### **4. Phân bổ kinh phí thực hiện:**

- Kinh phí tổ chức Hội nghị hướng dẫn thực hiện đánh giá nhà an toàn cho 164 xã, phường, thị trấn và cán bộ các huyện: 119.395.000 đồng.

- Kinh phí điều tra, đánh giá tại từng hộ gia đình, cá nhân: 681.253.934 đồng, trong đó:

+ Kinh phí điều tra, đánh giá tại từng hộ: 676.253.934 đồng

+ Kinh phí tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả điều tra thống kê cho cán bộ của cơ quan tổng hợp cấp tỉnh: 5.000.000 đồng.

*(phụ biểu 01 kèm theo),*

- Trên cơ sở số xã, cự ly, mức độ rủi ro thiên tai của các địa phương và tổng kinh phí được phê duyệt. UBND tỉnh phân bổ kinh phí thực hiện cho các huyện, thành phố như sau: (có phụ biểu 02 kèm theo)

#### **5. Nguồn kinh phí thực hiện:**

Từ nguồn Quỹ Phòng, chống thiên tai quy định tại khoản 1, Điều 9 Nghị định 94/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ; Điều 10 Quyết định số 102/2016/QĐ-UBND ngày 30/11/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh Lào Cai về việc ban hành Quy chế quản lý, sử dụng Quỹ Phòng chống thiên tai tỉnh Lào Cai.

#### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Giao Văn phòng Thường trực Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh chủ trì tổ chức Hội nghị đánh giá nhanh chổ ở an toàn; chủ trì, phối hợp với Hội Chữ thập đỏ tỉnh chỉ đạo, đôn đốc Ban chỉ huy PCTT&TKCN các huyện, thành phố triển khai thực hiện kế hoạch; tổng hợp, báo cáo kết quả điều tra đánh giá trên địa bàn tỉnh.

2. Ban chỉ huy PCTT&TKCN cấp huyện căn cứ vào những hộ có nhà ở gần những nơi sông, suối, sườn đồi cao... (thuộc đối tượng điều tra). Trên cơ sở nguồn kinh phí được UBND tỉnh phê duyệt; căn cứ vào đối tượng và mức độ rủi ro thiên tai của từng địa phương để xây dựng kế hoạch và phân bổ kinh phí cho phù hợp với từng xã, nhằm đảm bảo sự công bằng và chất lượng kết quả điều tra, quyết toán kinh phí thực hiện; chỉ đạo, kiểm tra, giám sát, đôn đốc Ban chỉ huy PCTT&TKCN cấp xã tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch; Chỉ đạo Phòng Nông nghiệp và PTNT tổng hợp, báo cáo kết quả điều tra đánh giá gửi về Văn phòng Thường trực Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh.

3. Ban chỉ huy PCTT&TKCN cấp xã thành lập các nhóm điều tra, đánh giá của xã gồm 5 người: lãnh đạo UBND xã, Trưởng/phó thôn (bản)...; tổ chức phối hợp với nhóm điều tra, đánh giá của cấp huyện thực hiện khảo sát, điều tra đánh giá trên địa bàn xã, phân loại theo tiêu chí và mẫu biểu; chi trả chế độ kinh phí hỗ trợ cho nhóm điều tra đúng định mức; tổng hợp, báo cáo kết quả khảo sát điều tra đánh giá trên địa bàn xã theo kế hoạch gửi UBND huyện. In biểu thu thập thông tin đánh giá nhanh về “CHỖ Ở AN TOÀN CHO NGƯỜI DÂN MIỀN NÚI” dành cho hộ phục vụ điều tra, đánh giá trên địa bàn.

- Nhóm đánh giá có trách nhiệm tổng hợp các phiếu điều tra hộ gia đình vào biểu cấp xã (phụ biểu 01+ 02);

- Cơ quan Hội Chữ thập đỏ, hoặc Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện, có trách nhiệm tổng hợp biểu điều tra cấp huyện (phụ biểu 03);

- Văn phòng Thường trực Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh, tổng hợp biểu toàn tỉnh, gửi UBND tỉnh.

- Các thành viên nhóm tham gia đánh giá và Chủ tịch UBND cấp xã, huyện chịu trách nhiệm về số liệu, thông tin đánh giá.

Căn cứ nội dung trong kế hoạch, Chủ tịch UBND tỉnh đề nghị Hội Chữ thập đỏ tỉnh; yêu cầu Văn phòng Thường trực Ban chỉ huy PCTT và TKCN tỉnh, UBND các huyện, thành phố khẩn trương triển khai, thực hiện ./.

**Nơi nhận:**

- VPTT BCĐTW về PCTT;
- CT, PCT2;
- Các sở: NN và PTNT, TC, KH&ĐT;
- Văn phòng TT PCTT & TKCN tỉnh (10 bản);
- UBND các huyện, thành phố;
- UBND các xã, phường, thị trấn do các huyện, thành phố gửi (164 bản);
- CVP, PCVP3;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TH1, NLN1, TNMT2.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Hữu Thể**


**PHÂN BỐ KINH PHÍ TỜ CHỨC ĐIỀU TRA, ĐÁNH GIÁ NHANH CHỖ Ở AN TOÀN NĂM 2017**

(Kèm theo kế hoạch số : 32/Q /KH-UBND ngày 19 /12/2017 của UBND tỉnh Lào Cai)

ĐVT: Đồng

STT	NỘI DUNG	KINH PHÍ	GHI CHÚ
	<b>TỔNG SỐ (I+II)</b>	<b>800.648.934</b>	
<b>I</b>	<b>Hội nghị đánh giá nhanh chỗ ở an toàn năm 2017</b>	<b>119.395.000</b>	
	- Thành phần tham gia: Giảng viên 02 người; khách mời ở tỉnh: 6 người (VPTT PCTT: 2, Hội CTĐ: 2, Hội PN: 2); Khách mời ở huyện: 27 người (mỗi huyện 3 người gồm đại diện Phòng NN và PTNT, Hội CTĐ, Hội Phụ nữ); khách mời cấp xã: 328 người (164 xã; mỗi xã: 2 người (lãnh đạo UBND xã và cán bộ). - Thời gian: 1/2 ngày tại Trung tâm Hội nghị tỉnh		
*	<b>Hỗ trợ tiền ăn bữa trưa cho đại biểu sau hội nghị: 363 người x 100.000đồng/người</b>	<b>36.300.000</b>	Theo Điểm c, Khoản 4.1, Điều 3, Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐND ngày 17/7/2017 của HĐND tỉnh
*	<b>Hỗ trợ các đại biểu ở xa</b>	<b>68.200.000</b>	
-	Hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu các xã, huyện đến từ hôm trước 4 huyện (Si Ma Cai, Bắc Hà, Văn Bàn, Bảo Yên): bình quân 33 người (xã 30, huyện 3) x 4 huyện x 50.000 đồng/người	6.600.000	Các mức hỗ trợ phù hợp theo quy định tại Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐND ngày 17/7/2017 của HĐND tỉnh
-	Tiền ngủ cho học viên ở xã, huyện đến từ chiều hôm trước: 33 người x 250.000đồng/ người/đêm x 1 đêm x 4 huyện (Si Ma Cai, Bắc Hà, Văn Bàn, Bảo Yên)	33.000.000	
-	Tiền đi lại đại biểu cấp xã ở xa: 2 người/xã x 143 xã (trên 12km) x 50 km (tính trung bình) x 2 lượt x 2,000 đ/km	28.600.000	
*	<b>Hỗ trợ giảng viên</b>	<b>3.820.000</b>	
-	Hỗ trợ tiền thù lao giảng viên ở TW: 1 buổi x 500.000 đồng/buổi x 1 người	500.000	Theo Điểm d, Khoản 1, Điều 6, QĐ số 66/2016/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 của UBND tỉnh
-	Hỗ trợ tiền trợ giảng 1 buổi x 400.000 đồng/buổi x 1 người	400.000	Theo Điểm e, Khoản 1, Điều 6, QĐ số 66/2016/QĐ-UBND ngày 19/8/2016 của UBND tỉnh
-	Tiền ngủ cho giảng viên, lái xe: 2 người x 350.000đồng/người/ngày x 1 ngày	700.000	Theo Điểm b, Khoản 3.1, Điều 2, Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐND ngày 17/7/2017 của HĐND tỉnh
-	Hỗ trợ xăng xe: 600km/2 lượt x 0,2lit/1km x 18.500đ/lit	2.220.000	Theo Khoản 1, Điều 2, Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐND ngày 17/7/2017 của HĐND tỉnh
*	<b>In tài liệu, văn phòng phẩm, nước uống (363 bộ cho đại biểu + giáo viên)</b>	<b>9.075.000</b>	
-	Tiền in tài liệu + bút+ văn phòng phẩm khác: 363 bộ x 10.000 đ/bộ	3.630.000	
-	Chè nước giải khát giữa giờ ngày làm việc: 363 người x 15.000 đồng/người/buổi	5.445.000	Theo Điểm c, Khoản 4.1, Điều 3, Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐND ngày 17/7/2017 của HĐND tỉnh

STT	NỘI DUNG	KINH PHÍ	GHI CHÚ
*	Thuê hội trường+ maket (2.000.000 đ/ 1 lần)	2.000.000	
II	<b>Kinh phí điều tra, đánh giá chỗ ở an toàn tại từng hộ dân</b>	<b>681.253.934</b>	
-	Kinh phí tổng hợp, phân tích, đánh giá kết quả điều tra thống kê cho cơ quan chủ trì điều tra thống kê cấp tỉnh	5.000.000	- Theo điểm a, khoản 6, điều 2, Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐND ngày 17/7/2017 của HĐND tỉnh
-	Tiền công thống kê, điều tra, thu thập số liệu, tổng hợp số liệu (75.455 đồng/người/ngày x 5 người x 7 ngày x 164 xã)	433.111.700	- Tiền lương 01 ngày công = 3.320.000 đồng : 22 ngày x 50% = 75.455 đồng, tính theo điểm b, khoản 2, điều 2, Nghị quyết số 02/2017/NQ-HĐND ngày 17/7/2017 của HĐND tỉnh. - Mức lương tối thiểu vùng theo ND 153/2016/NĐ-CP ngày 14/11/2016 của Chính phủ.
-	Hỗ trợ tiền xăng xe đi đánh giá tại các hộ ở thôn: (185.000 đồng/người x 5 người x 164 xã)	151.700.000	- Tính trung bình mỗi người đi điều tra: 50 km, định mức 0,2 lít xăng/km. Vận dụng theo Khoản 1, Điều 2, Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐND ngày 17/7/2017 của HĐND tỉnh
-	Hỗ trợ nghiệm thu, kiểm tra, hoàn thiện phiếu điều tra thống kê	8.662.234	- Tính bằng 2% tiền công chi trả điều tra viên thu thập số liệu điều tra theo quy định tại Khoản 5, Điều 2, Nghị quyết số 07/2017/NQ-HĐND ngày 17/7/2017 của HĐND tỉnh
-	Tiền photocopy phiếu điều tra: 159.000 phiếu x 500 đ /phiếu	79.500.000	
-	Tiền mua bút viết, văn phòng phẩm: 20.000 đồng/ xã x 164 xã, phường, thị trấn	3.280.000	

2

Phụ biểu 02:



## PHÂN BỐ KINH PHÍ ĐÁNH GIÁ TỪNG HUYỆN

(kèm theo Kế hoạch số 32/KH-UBND ngày 19/12/2017 của UBND tỉnh Lào Cai)

ĐVT: đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	Đơn vị hành chính			Định mức/phường, thị trấn	Định mức/xã	Thành tiền	Tổng kinh phí phân bổ
		Tổng	Phường, thị trấn	Xã				
	<b>Tổng số</b>	<b>164</b>	<b>21</b>	<b>143</b>			<b>680.000.000</b>	<b>681.253.000</b>
1	Kinh phí hỗ trợ cán bộ tổng hợp kết quả cấp tỉnh						5.000.000	5.000.000
2	Thành phố Lào Cai	17	12	5	1.500.000	4.500.000	40.500.000	41.253.000
3	Huyện Bát Xát	23	1	22	1.500.000	4.500.000	100.500.000	100.500.000
4	Huyện Mường khương	16	1	15	1.500.000	4.500.000	69.000.000	69.000.000
5	Huyện Si Ma Cai	13	0	13	1.500.000	4.500.000	58.500.000	59.000.000
6	Huyện Bắc Hà	21	1	20	1.500.000	4.500.000	91.500.000	91.500.000
7	Huyện Bảo Thắng	15	3	12	1.500.000	4.500.000	58.500.000	58.500.000
8	Huyện Sa Pa	18	1	17	1.500.000	4.500.000	78.000.000	78.000.000
9	Huyện Bảo Yên	18	1	17	1.500.000	4.500.000	78.000.000	78.000.000
10	Huyện Văn Bàn	23	1	22	1.500.000	4.500.000	100.500.000	100.500.000

2

# BIỂU THU THẬP THÔNG TIN ĐÁNH GIÁ NHANH VỀ “CHỖ Ở AN TOÀN CHO NGƯỜI DÂN MIỀN NÚI”

(Phụ biểu 01) Khảo sát Hộ Gia đình

## I. THÔNG TIN HỘ GIA ĐÌNH:

1. Họ và tên chủ hộ: ... ..; Nam  Nữ  ; Dân tộc: ...
2. Số người trong gia đình: ... .. người. Trong đó: Nam: ... .. người; Nữ: ... .. người.  
Trẻ em <6 tuổi: ... .. người; Người >60 tuổi:..... .. người; Người khuyết tật:..... .. người.
3. Thôn/bản: ... .. Xã/phường:..... .. Quận/huyện:..... .. Tỉnh/TP:..... ..

## II. THÔNG TIN KHẢO SÁT:

(Nhóm đánh giá quan sát, phỏng vấn người dân nếu cần; đánh dấu X vào ô chọn)

TT	Câu hỏi thu thập thông tin	Có/Đúng	Không/Sai	Ghi chú
1	Chỗ ở có xảy ra lũ quét, sạt lở đất hoặc thiên tai nguy hiểm trong 05 năm gần đây không?	X		
2	<b>Chỗ ở nằm trên đồi, núi hoặc mái dốc đảo, đắp (san, gạt)</b>	-	-	
2a	Có dấu hiệu: vết nứt trên sườn đồi, nền nhà, tường nhà; cây nghiêng đổ không?	X		
2b	Trước và sau nhà có mái dốc (taluy âm/dương) có độ dốc cao không? (nếu có thì trả lời tiếp câu 2c)	X		Cự ly <5m... , >5m....; là đồi đất hay đá sít?
2c	Mái dốc không có tường chắn, kè chống sạt lở, rãnh thoát nước, cây xanh?	X		Kè... .., rãnh thoát nước.....
2d	Trên đồi, núi có đào ao, hồ phục vụ sinh hoạt, sản xuất (nuôi cá, thả vịt...) không?		X	
2e	Xung quanh không có rừng phòng hộ?	X		Cách nhà ở ... ;
3	<b>Chỗ ở nằm ven sông, suối, khe nước; gần công trình hồ đập, ngầm, cầu, cống</b>	-	-	
3a	Phía trên (thượng nguồn) có hồ chứa đã từng xả nước gây ảnh hưởng ngập, sạt, xói lở... chỗ ở không?	X		Khoảng cách bao nhiêu? m; km.
3b	Phía trên (thượng nguồn) có các đập ngăn tạm không?	X		Khoảng cách bao nhiêu?.. km. ... m..
3c	Chỗ ở có gần cống, ngầm qua khe, suối đã từng bị vùi lấp do sỏi đá, bùn cát, cây lớn không?	X		Khoảng cách bao nhiêu?... m. Bị vùi lấp do ..
3d	Nhà có hay bị ngập, nước tràn qua không?	X		Nguyên nhân: ....
3e	Nhà gần sông, suối không?(khoảng cách dưới 5m....., trên 5m.....)	X		Sông... .., suối.....
3f	Nhà gần đường giao thông không? (khoảng cách dưới 5m....., trên 5m.....)	X		Đường GTNT .. ...; huyện ....., tỉnh, ....; QL.....
4	Chỗ ở có nằm gần hoặc dưới các bãi khai thác khoáng sản, các bãi thải vật liệu lớn không?	X		Cự ly <5m....., >5m.....
5	<b>Chỗ ở có sự hỗ trợ, chuẩn bị</b>	-	-	
5a	Không thường xuyên, kịp thời được nhận thông tin cảnh báo?	X		Nguyên nhân: .....
5b	Không biết cách phòng tránh, ứng phó khi xảy ra lũ quét, sạt lở đất?		X	
5c	Không hoặc thiếu chủ động chuẩn bị thức ăn, nước uống, thuốc chữa bệnh, đèn pin, cuốc, xẻng.....		X	
5d	Hiện trạng nhà đang ở (nhà sàn, nhà gỗ, nhà mái ngói, nhà tạm...)	.....		
5e	Nhận được thông tin cảnh báo thiên tai từ loa	.....		



TT	Câu hỏi thu thập thông tin	Có/Đúng	Không/Sai	Ghi chú
	truyền thanh hay phương thức nào?			

**III. NHẬN ĐỊNH SƠ BỘ:** (Nhóm đánh giá thảo luận và đưa ra nhận định)

**Ổn định**

**Ổn định kém**

**Ổn định rất kém**

Lý do: .....

**THÔNG TIN BỔ SUNG**

STT	NỘI DUNG	ĐVT	SỐ LƯỢNG	GIOI TÍNH		GHI CHÚ
				Nam	Nữ	
-	Người khuyết tật		1	1		.....
-	Trình độ văn hóa: Cấp 2....., cấp 3....ĐH...		3			.....
-	Có biết tiếng phổ thông (kinh) không? .....		4	1	3	
-	Các loại thiên tai đã xảy ra trong 5 năm trở lại đây (từ 2012 đến nay)		15	Lũ quét.....; Sạt lở.....; Sét.....; Giông lốc.....; Mưa đá.....Rét hại.....; Khác.....		
-	Số người (chết, bị thương, mất tích)		3	1	2	Chết.....; Mất tích... Bị thương.....

6. Nhà ông (bà) đang ở vị trí nguy hiểm, nếu chính quyền địa phương yêu cầu di chuyển nhà đến nơi khác an toàn hơn; ông (bà) có đồng ý di chuyển không? Có....., không.....

Lý do: .....

7. Nếu phải di chuyển nhà đến nơi an toàn hơn thì ông (bà) cần hỗ trợ bao nhiêu tiền?

- 10 triệu....., 20 triệu....., khác.....

- Lý do: .....

**Ý kiến khác của cán bộ đánh giá:**

.....

.....

.....

.....

**Đại diện hộ gia đình**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Thành viên nhóm đánh giá**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

**Trưởng thôn**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

# BIỂU TỔNG HỢP THÔNG TIN ĐÁNH GIÁ NHANH VỀ “CHỖ Ở AN TOÀN CHO NGƯỜI DÂN MIỀN NÚI”

(Phụ biểu 02) Dành cho cấp Xã/Phường

## I. THÔNG TIN ĐỊA PHƯƠNG:

1. Xã/phường: ...TRỊNH TUỜNG.....; Quận/huyện.....BÁT XÁT.....
2. Tổng số hộ:.....; Tổng số người:.....Trong đó: Nam: ....90..... người; Nữ: ..... người  
Trẻ em <6 tuổi: ..... người; Người >60 tuổi:..... người; Người khuyết tật:..... người; DT Kinh.....

## II. TỔNG HỢP THÔNG TIN KHẢO SÁT:

TT	Thông tin tổng hợp	Số lượng hộ/người
1	Tổng số hộ đã bị thiệt hại do lũ quét, sạt lở đất hoặc thiên tai nguy hiểm (trong 05 năm gần đây)	....
2	<b>Chỗ ở nằm trên đồi, núi hoặc mái dốc đào, đắp (san, gạt)</b>	-
2a	Số hộ xuất hiện dấu hiệu: vết nứt trên sườn đồi, nền nhà, tường nhà; cây nghiêng đổ.	.....
2b	Số hộ trước và sau nhà có mái dốc (taluy âm/dương) có độ dốc cao.	-
2c	Số hộ gần mái dốc không có tường chắn, kè chống sạt lở, rãnh thoát nước, cây xanh.	-
2d	Số hộ phía trên có đào ao, hồ phục vụ sinh hoạt, sản xuất (nuôi cá, thả vịt...)	-
2e	Số hộ xung quanh không có rừng phòng hộ	-
3	<b>Chỗ ở nằm ven sông, suối, khe nước; gần công trình hồ đập, ngầm, cầu, cống</b>	
3a	Số hộ phía trên (thượng nguồn) có hồ chứa đã từng xả nước gây ảnh hưởng ngập, sạt, xói lở.....	-
3b	Số hộ mà phía trên (thượng nguồn) có các đập ngăn tạm.	-
3c	Số hộ chỗ ở gần cống, ngầm qua khe, suối đã từng bị vùi lấp do sỏi đá, bùn cát, cây lớn. ....	-
3d	Số nhà bị ngập, nước tràn qua .....	-
3e	Số nhà gần sông, suối (khoảng cách dưới 5m.....; trên 5m.....)	-
3f	Số nhà gần đường giao thông (khoảng cách dưới 5m.....; trên 5m.....)	-
4	Số hộ nằm gần hoặc dưới các bãi khai thác khoáng sản, các bãi thải vật liệu lớn.	-
5	<b>Chỗ ở có sự hỗ trợ, chuẩn bị</b>	
5a	Số hộ không thường xuyên, kịp thời được nhận thông tin cảnh báo	-
5b	Số hộ không biết cách phòng tránh, ứng phó khi xảy ra lũ quét, sạt lở đất	-
5c	Số hộ không hoặc thiếu chủ động chuẩn bị thức ăn, nước uống, thuốc chữa bệnh, đèn pin, cuốc, xẻng, cuộn dây...	-
5d	Số nhà sàn mái ngói: .....hộ; Nhà gỗ:.....hộ; Nhà tạm.....hộ; Nhà sàn mái tranh: .....hộ; Nhà xây cấp 4.....hộ; nhà xây khác.....	-
5e	Số hộ nhận được thông tin cảnh báo thiên tai từ loa truyền thanh?.....	-

TT	Đánh giá chỗ ở	Tổng số	
		Số lượng	%
1	<b>Chỗ ở an toàn</b>		
2	<b>Chỗ ở kém an toàn</b>		
3	<b>Chỗ ở cần di dời khẩn cấp</b>		
<b>Tổng</b>			

## THÔNG TIN BỔ SUNG

STT	NỘI DUNG	ĐVT	SỐ LƯỢNG	GIỚI TÍNH		GHI CHÚ
				Nam	Nữ	
-	Người khuyết tật		13	7	6	
-	Trình độ Văn hóa: (từ cấp 2 trở lên)		210	110	100	-
-	Có biết tiếng phổ thông (kinh)	Người	164	80	84	
-	Số đợt thiên tai đã xảy ra trong 5 năm trở lại đây (từ 2012 đến nay)		123	Lũ quét.....; Sạt lở.....; Sét.....; Giông lốc.....; Mưa đá.....Rét hại.....; Khác.....		
-	Số người (chết, bị thương, mất tích).....	Người	34	15	19	Chết.....; Mất tích.....; Bị thương....

**6. Nhà ông (bà) đang ở vị trí nguy hiểm, nếu chính quyền địa phương yêu cầu di chuyển nhà đến nơi khác an toàn hơn; ông (bà) có đồng ý di chuyển không?**

- Số người trả lời có.....người;                      Số người trả lời không.....người.

- Lý do có (không).....  
.....

**7. Nếu phải di chuyển nhà đến nơi an toàn hơn thì ông (bà) cần hỗ trợ bao nhiêu tiền?**

- Số người trả lời 10 triệu..... người;    20 triệu.....người;;    khác.....người.

- Lý do: (tóm tắt các ý chính).....  
.....

Ý kiến khác của cán bộ đánh giá.....  
.....

**Đại diện nhóm đánh giá**

(Ký và ghi rõ họ tên)

**Chủ tịch UBND Xã/Phường**

(Ký và ghi rõ họ tên)

# BIỂU TỔNG HỢP THÔNG TIN ĐÁNH GIÁ NHANH VỀ “CHỖ Ở AN TOÀN CHO NGƯỜI DÂN MIỀN NÚI”

(Phụ biểu 03) Dành cho cấp Quận/Huyện

## I. THÔNG TIN ĐỊA PHƯƠNG:

1. Quận/huyện: .....; Tỉnh/thành phố: .....

2. Tổng số Xã:.....; Tổng số hộ:.....; Tổng số người:.....; Nam.....; Nữ.....

Trẻ em <6 tuổi: ..... người; Người >60 tuổi:..... người; Người khuyết tật:..... người.; DT Kinh.....

## II. TỔNG HỢP THÔNG TIN KHẢO SÁT:

TT	Thông tin tổng hợp	Số lượng hộ/người
1	Tổng số hộ đã bị thiệt hại do lũ quét, sạt lở đất hoặc thiên tai nguy hiểm (trong 05 năm gần đây)	-
2	<b>Chỗ ở nằm trên đồi, núi hoặc mái dốc đào, đắp (san, gạt)</b>	-
2a	Số hộ xuất hiện dấu hiệu: vết nứt trên sườn đồi, nền nhà, tường nhà; cây nghiêng đổ.	-
2b	Số hộ trước và sau nhà có mái dốc (taluy âm/dương) có độ dốc cao.	-
2c	Số hộ gần mái dốc không có tường chắn, kè chống sạt lở, rãnh thoát nước, cây xanh.	-
2d	Số hộ phía trên có đào ao, hồ phục vụ sinh hoạt, sản xuất (nuôi cá, thả vịt...)	-
2e	Số hộ xung quanh không có rừng phòng hộ	-
3	<b>Chỗ ở nằm ven sông, suối, khe nước; gần công trình hồ đập, ngầm, cầu, cống</b>	-
3a	Số hộ phía trên (thượng nguồn) có hồ chứa đã từng xả nước gây ảnh hưởng ngập, sạt, xói lở...	-
3b	Số hộ mà phía trên (thượng nguồn) có các đập ngăn tạm.	-
3c	Số hộ chỗ ở gần cống, ngầm qua khe, suối đã từng bị vùi lấp do sỏi đá, bùn cát,....	-
3d	Số nhà bị ngập, nước tràn qua	-
3e	Số nhà gần sông, suối (khoảng cách dưới 5m....., trên 5m.....)	-
3f	Số nhà gần đường giao thông ( khoảng cách dưới 5m....., trên 5m.....)	-
4	<b>Số hộ nằm gần hoặc dưới các bãi khai thác khoáng sản, các bãi thải vật liệu lớn.</b>	-
5	<b>Chỗ ở có sự hỗ trợ, chuẩn bị</b>	-
5a	Số hộ không thường xuyên, kịp thời được nhận thông tin cảnh báo	-
5b	Số hộ không biết cách phòng tránh, ứng phó khi xảy ra lũ quét, sạt lở đất	-
5c	Số hộ không hoặc thiếu chủ động chuẩn bị thức ăn, nước uống, thuốc chữa bệnh, đèn pin, cuốc, xẻng, cuộn dây...	-
5d	Số nhà sàn mái ngói: .....hộ; Nhà gỗ: .....hộ; Nhà tạm:.....hộ; Nhà sàn mái tranh: .....hộ; Nhà xây cấp 4.....hộ; Nhà xây khác.....hộ.	-
5e	Số hộ nhận được thông tin cảnh báo thiên tai từ loa truyền thanh?.....	-

TT	Đánh giá chỗ ở	Tổng số	
		Số lượng	%
1	<b>Chỗ ở an toàn</b>		
2	<b>Chỗ ở kém an toàn</b>		
3	<b>Chỗ ở cần di dời khẩn cấp</b>		
	<b>Tổng</b>		

## THÔNG TIN BỔ SUNG

STT	NỘI DUNG	ĐVT	SỐ LƯỢNG	GIỚI TÍNH		GHI CHÚ
				Nam	Nữ	
-	Người khuyết tật					
-	Trình độ Văn hóa: (từ cấp 2 trở lên)					-
-	Có biết tiếng phổ thông (kinh)	Người				
-	Số đợt thiên tai đã xảy ra trong 5 năm trở lại đây (từ 2012 đến nay)					
-	Số người (chết, bị thương, mất tích).....	Người				

**6. Nhà ông (bà) đang ở vị trí nguy hiểm, nếu chính quyền địa phương yêu cầu di chuyển nhà đến nơi khác an toàn hơn; ông (bà) có đồng ý di chuyển không?**

- Số người trả lời có.....người;                      Số người trả lời không.....người.

- Lý do có (không).....  
 .....  
 .....

**7. Nếu phải di chuyển nhà đến nơi an toàn hơn thì ông (bà) cần hỗ trợ bao nhiêu tiền?**

- Số người trả lời 10 triệu..... người;    20 triệu.....người;;    khác.....người.

- Lý do: (tóm tắt các ý chính).....  
 .....  
 .....

**Ý kiến khác của cán bộ đánh giá.....**  
 .....  
 .....

**Phòng Nông nghiệp và PTNT Quận/Huyện**  
 (Ký và ghi rõ họ tên)

**Chủ tịch UBND Quận/Huyện**  
 (Ký và ghi rõ họ tên)

# BIỂU TỔNG HỢP THÔNG TIN ĐÁNH GIÁ NHANH VỀ “CHỖ Ở AN TOÀN CHO NGƯỜI DÂN MIỀN NÚI”

(Phụ biểu 04) Dành cho cấp Tỉnh/TP

## I. THÔNG TIN ĐỊA PHƯƠNG:

1. Tỉnh/thành phố: ..... Tổng số Quận/huyện: .....

2. Tổng số Xã:.....; Tổng số hộ:.....; Tổng số người:.....; Nam:.....; Nữ:..... DT Kinh.....

Trẻ em <6 tuổi: ..... người; Người >60 tuổi:..... người; Người khuyết tật:..... người..

## II. TỔNG HỢP THÔNG TIN KHẢO SÁT:

TT	Thông tin tổng hợp	Số lượng hộ/người
1	Tổng số hộ đã bị thiệt hại do lũ quét, sạt lở đất hoặc thiên tai nguy hiểm (trong 05 năm gần đây)	
2	<b>Chỗ ở nằm trên đồi, núi hoặc mái dốc đảo, đắp (san, gạt)</b>	-
2a	Số hộ xuất hiện dấu hiệu: vết nứt trên sườn đồi, nền nhà, tường nhà; cây nghiêng đổ.	
2b	Số hộ trước và sau nhà có mái dốc (taluy âm/dương) có độ dốc cao.	
2c	Số hộ gần mái dốc không có tường chắn, kè chống sạt lở, rãnh thoát nước, cây xanh.	
2d	Số hộ phía trên có đào ao, hồ phục vụ sinh hoạt, sản xuất (nuôi cá, thả vịt...)	
2e	Số hộ xung quanh không có rừng phòng hộ	
3	<b>Chỗ ở nằm ven sông, suối, khe nước; gần công trình hồ đập, ngầm, cầu, cống</b>	-
3a	Số hộ phía trên (thượng nguồn) có hồ chứa đã từng xả nước gây ảnh hưởng ngập, sạt, xói lở...	
3b	Số hộ mà phía trên (thượng nguồn) có các đập ngăn tạm.	
3c	Số hộ chỗ ở gần cống, ngầm qua khe, suối đã từng bị vùi lấp do sỏi đá, bùn cát,....	
3d	Số nhà bị ngập, nước tràn qua	
3e	Số nhà gần sông, suối (khoảng cách dưới 5m....., trên 5m.....).	
3f	Số nhà gần đường giao thông (khoảng cách dưới 5m....., trên 5m.....).	
4	Số hộ nằm gần hoặc dưới các bãi khai thác khoáng sản, các bãi thải vật liệu lớn.	
5	<b>Chỗ ở có sự hỗ trợ, chuẩn bị</b>	-
5a	Số hộ không thường xuyên, kịp thời được nhận thông tin cảnh báo	
5b	Số hộ không biết cách phòng tránh, ứng phó khi xảy ra lũ quét, sạt lở đất	
5c	Số hộ không hoặc thiếu chủ động chuẩn bị thức ăn, nước uống, thuốc chữa bệnh, đèn pin, cuốc, xẻng, cuộn dây...	
5d	Số nhà sàn mái ngói:.....hộ; Nhà gỗ:.....hộ; Nhà tam:.....hộ; Nhà sàn mái tranh:.....hộ; Nhà xây cấp 4.....hộ; Nhà xây khác.....hộ.	

TT	Đánh giá chỗ ở	Tổng số	
		Số lượng	%
1	Chỗ ở an toàn		
2	Chỗ ở kém an toàn		
3	Chỗ ở cần di dời khẩn cấp		
<b>Tổng</b>			

## THÔNG TIN BỔ SUNG

STT	NỘI DUNG	ĐVT	SỐ LƯỢNG	GIOI TÍNH		GHI CHÚ
				Nam	Nữ	
-	Người khuyết tật					
-	Trình độ văn hóa: (từ cấp 2 trở lên)					cấp 2 là..., cấp 3 là... Đại học..., trên ĐH....
-	Có biết tiếng phổ thông (kinh)	Người				
-	Số đợt thiên tai đã xảy ra trong 5 năm trở lại đây (từ 2012 đến nay)			Lũ quét.....; Sạt lở.....; Sét.....; Giông lốc.....; Mưa đá.....Rét hại.....; Khác.....		
-	Số người (chết, bị thương, mất tích).....	Người				Chết.....;Mất tích... Bị thương.....

**6. Nhà ông (bà) đang ở vị trí nguy hiểm, nếu chính quyền địa phương yêu cầu di chuyển nhà đến nơi khác an toàn hơn; ông (bà) có đồng ý di chuyển không?**

- Số người trả lời có.....người;                      Số người trả lời không.....người.

- Lý do có (không).....

**7. Nếu phải di chuyển nhà đến nơi an toàn hơn thì ông (bà) cần hỗ trợ bao nhiêu tiền?**

- Số người trả lời 10 triệu..... người;    20 triệu.....người;;    khác.....người.

- Lý do: (tóm tắt các ý chính).....

Ý kiến khác của cán bộ đánh giá.....

Văn phòng TT BCH PCTT và TKCN tỉnh  
(Ký và ghi rõ họ tên)

Chủ tịch UBND Tỉnh/Thành phố  
(Ký và ghi rõ họ tên)